

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018**

---

Tháng 1 năm 2019

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 39

CÔNG  
CỔ PH  
DU L  
TỈNH  
TÀU-TH

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2018
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	
Ông Tống Thành Nguyên	Thành viên	

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2018
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2018
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2018

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Ân (tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018).

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hồng An**  
**Tổng Giám đốc**

*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 1 năm 2019*

Số: 120/VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17 tháng 9 năm 2018, Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành các Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách Nhà nước; Theo đó, Công ty mẹ bị thu hồi tiền thuê đất truy thu bổ sung từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 91.099.278.151 VND, và tiền thuê hạ tầng do Ngân sách tỉnh đầu tư đối với diện tích đất khu vực bãi tắm Thùy Vân mà Công ty mẹ đang quản lý, sử dụng là 3.658.061.609 VND. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất đối với diện tích bãi tắm Thùy Vân theo Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, số tiền chưa hạch toán là 6.192.760.233 VND.

Đồng thời, theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Theo đó, Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong bị thu hồi tiền thuê đất truy thu bổ sung từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28.397.591.059 VND, và tiền thuê hạ tầng do Ngân sách tỉnh đầu tư đối với diện tích đất khu vực bãi tắm Thùy Vân mà Công ty con đang quản lý, sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, Công ty con cũng chưa hạch toán đầy đủ tiền thuê đất đối với diện tích bãi tắm Thùy Vân theo Thông báo số 3305/160/TB-CCT ngày 27 tháng 04 năm 2018 của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, số tiền chưa hạch toán là 3.153.736.386 VND.

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-24) 3577 0781

Fax: (84-24) 3577 0787

**Văn phòng Đồng Nai**

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-251) 382 8560

Fax: (84-251) 382 8560

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-225) 353 4655

Fax: (84-225) 353 4316

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)**

Như thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và Công ty con chưa được Cơ quan quản lý Nhà nước ký kết các hợp đồng thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng liên quan đến diện tích đất khu vực Bãi tắm Thủy Vân, cũng như chưa nhận được các văn bản phản hồi, xử lý đối với Kiến nghị số 95/CV-CPDL ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Công ty mẹ, và Kiến nghị số 12/CV-DLNP ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Công ty con đã gửi Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các văn bản phản hồi từ Cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng đã bị ghi nhận thiếu các năm từ 2006 đến 2017 và tiền thuê đất phát sinh của 6 tháng đầu năm 2018 (nếu trên) chưa hạch toán để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2018 của Công ty, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước của Công ty.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được Công ty hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho báo cáo bán niên năm 2018 do Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư này.

**Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính này.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đã được kiểm toán/soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31/3/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ về các khoản chênh lệch tiền thuê đất và báo cáo soát xét đề ngày 31/8/2017 đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến các khoản chênh lệch tiền thuê đất và trích lập thiếu chi phí dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con. Tại ngày 30/6/2018, các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn còn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, như đã nêu tại đoạn Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận.



**Chư Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Tp. HCM, ngày 30 tháng 1 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.172.941.277</b>	<b>55.167.765.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.131.193.111</b>	<b>21.075.040.361</b>
1. Tiền	111		11.481.193.111	17.825.040.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.650.000.000	3.250.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>13.190.004.400</b>	<b>13.190.004.400</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		18.821.032.777	18.821.032.777
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8.731.028.377)	(8.731.028.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.100.000.000	3.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.596.700.986</b>	<b>16.027.711.911</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.707.673.326	18.822.651.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.687.266.629	1.432.153.217
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	4.943.953.236	4.897.761.477
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.043.857.851	9.661.196.039
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.820.079.939)	(18.820.079.939)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		34.029.883	34.029.883
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.380.934.824</b>	<b>1.312.820.294</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.380.934.824	1.312.820.294
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.874.107.956</b>	<b>3.562.188.129</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	972.877.916	673.418.114
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.185.361
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.901.230.040	2.878.584.654
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>185.350.260.289</b>	<b>185.245.505.545</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>514.000.000</b>	<b>562.673.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	514.000.000	562.673.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108.763.967.971</b>	<b>110.942.559.992</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	108.763.967.971	110.942.559.992
- Nguyên giá	222		199.925.502.239	196.698.457.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.161.534.268)	(85.755.897.702)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(581.801.000)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>65.624.525.781</b>	<b>62.971.525.781</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.360.832.918	6.707.832.918
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.852.176.741	63.852.176.741
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.588.483.878)	(7.588.483.878)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.447.766.537</b>	<b>10.768.746.772</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.447.766.537	10.768.746.772
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>239.523.201.566</b>	<b>240.413.270.640</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>			<b>66.529.671.753</b>	<b>72.171.933.122</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			<b>48.837.522.989</b>	<b>54.126.618.641</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17		4.680.021.708	3.379.117.525
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			725.378.917	263.484.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13		19.723.886.958	24.851.080.531
4. Phải trả người lao động	314			-	50.129.153
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			450.385.036	330.601.489
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18		21.627.581.404	22.512.808.521
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19		939.145.300	1.707.813.026
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			691.123.666	1.031.583.666
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>17.692.148.764</b>	<b>18.045.314.481</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	8		3.639.806.151	3.916.034.568
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19		14.052.342.613	14.129.279.913
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>20</b>		<b>172.993.529.813</b>	<b>168.241.337.518</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			<b>172.993.529.813</b>	<b>168.241.337.518</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			186.445.000.000	186.445.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			186.445.000.000	186.445.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418			11.238.309.719	11.238.309.719
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			(34.087.936.654)	(38.688.707.034)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			(38.688.707.034)	(32.005.377.954)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b			4.600.770.380	(6.683.329.080)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			9.398.156.748	9.246.734.833
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>			<b>239.523.201.566</b>	<b>240.413.270.640</b>



Nguyễn Hồng Ân  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	69.621.135.893		85.202.044.903	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		69.621.135.893		85.202.044.903	
4. Giá vốn hàng bán	11	24	31.074.188.664		39.256.119.861	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.546.947.229		45.945.925.042	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	261.590.958		1.036.937.308	
7. Chi phí tài chính	22	27	67.795.156		638.910.487	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.795.156		638.910.487	
8. Chi phí bán hàng	25	28	15.085.452.338		17.078.446.224	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	22.386.407.776		25.471.779.262	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.268.882.917		3.793.726.377	
11. Thu nhập khác	31	29	3.904.418.720		557.571.810	
12. Chi phí khác	32	30	83.643.274		4.962.364.786	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.820.775.446		(4.404.792.976)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.089.658.363		(611.066.599)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	137.726.146		237.393.918	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.951.932.217		(848.460.517)	
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4.600.770.380		(1.343.132.425)	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		351.161.837		494.671.908	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	247		(72)	



Nguyễn Hồng Ân  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.089.658.363	(611.066.599)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.405.636.566	5.378.258.941
- Các khoản dự phòng	03	-	1.525.802.071
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(15.110.900)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(261.590.958)	(1.024.671.191)
- Chi phí lãi vay	06	67.795.156	638.910.487
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.301.499.127	5.892.122.809
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(736.879.300)	2.663.168.819
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(68.114.530)	239.888.301
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.308.213.643)	56.264.447
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	21.520.433	1.875.274.587
- Tiền lãi vay đã trả	14	(67.795.156)	(556.910.487)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.285.708.846)	(195.456.817)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(340.460.000)	(21.901.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.515.848.085</b>	<b>9.952.450.659</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.227.044.545)	(3.742.885.237)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	200.781.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.653.000.000)	(2.860.290.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.374.514.500
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.465.694.158	1.914.484.178
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.414.350.387)</b>	<b>1.886.605.259</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.085.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(845.605.026)	(3.786.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(199.739.922)	(219.767.264)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.045.344.948)</b>	<b>(2.921.267.264)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>1.056.152.750</b>	<b>8.917.788.654</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.075.040.361	16.638.262.860
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	22.131.193.111	25.556.051.514



Nguyễn Hồng An  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05/01/2007 và thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017, vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 VND, tương đương 18.644.500 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là VTG.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2018 là 470 người (tại ngày 01/01/2018 là 408 người)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách;
- Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng;
- Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage, vũ trường;
- Dịch vụ du lịch lữ hành,
- Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Vận tải hành khách du lịch đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác,...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
<b><u>Công ty con</u></b>				
Công ty CP Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50,07%	50,07%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo
Công ty CP Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	96,18%	96,18%	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế
<b><u>Công ty liên kết</u></b>				
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyện Trần Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26,53%	26,53%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí
Công ty CP Giá trị Thể thao Mình Dạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	35%	35%	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.

- Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 49003000221, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/6/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Tại ngày 30/06/2018, Công ty có lãi lũy kế là 671.400.926 VND.
- Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3502213663, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/9/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Trong kỳ, Công ty hoạt động đã có lãi.
- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3500770108, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/9/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Tại ngày 30/06/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp Theo)**

- Công ty Cổ phần giải trí thể thao Minh Đạm được thành lập theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28/8/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/8/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty Cổ phần giải trí thể thao Minh Đạm đầu tư dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

## 3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông thư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường.*

*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

*c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. (như trình bày tại mục “Giao dịch hợp nhất kinh doanh”)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

PH  
HẠN  
CHỈ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với hàng chậm luân chuyển công ty xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa vào thời hạn sử dụng của các mặt hàng, và theo đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được để trích lập dự phòng với mức tỷ lệ phù hợp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-50
Máy móc, thiết bị	04-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	03-06
Tài sản cố định khác	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng theo Quyền sử dụng đất.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa và cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Giá trị lợi thế quyền thuê đất Khu du lịch Nghinh Phong của công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong. Giá trị lợi thế này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty nhận chuyển nhượng Khu du lịch Nghinh Phong.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông  
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm  
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Thành viên chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt	2.409.618.681		2.177.771.077	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.071.574.430		15.647.269.284	
Các khoản tương đương tiền (i)	10.650.000.000		3.250.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>22.131.193.111</b>		<b>21.075.040.361</b>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tại các Ngân hàng.

**5. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Cổ phiếu</b>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	16.368.660.000	(6.278.655.600)	-	16.368.660.000	(6.278.655.600)	(*)
Công ty CP Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	-	2.452.372.777	(2.452.372.777)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>18.821.032.777</b>	<b>(8.731.028.377)</b>	<b>-</b>	<b>18.821.032.777</b>	<b>(8.731.028.377)</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**b) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>Tiền gửi tiết kiệm từ 03 tháng đến dưới 01 năm</b>	<b>3.100.000.000</b>		<b>3.100.000.000</b>	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	1.100.000.000		1.100.000.000	
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Vũng Tàu	1.500.000.000		1.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu	500.000.000		500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.100.000.000</b>		<b>3.100.000.000</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>17.599.940.396</b>	<b>18.714.918.304</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	1.825.472.115
Phải thu khách hàng khác	9.429.593.387	10.544.571.295
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>107.732.930</b>	<b>107.732.930</b>
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
<b>Cộng</b>	<b>17.707.673.326</b>	<b>18.822.651.234</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.544.356.207)	(13.578.656.207)
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>4.163.317.119</b>	<b>5.243.995.027</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các đối tượng khác</b>		
Ông Nguyễn Vũ Hưng	2.488.730.195	2.465.477.947
Ông Đỗ Minh Đức	2.455.223.041	2.432.283.530
<b>Cộng</b>	<b>4.943.953.236</b>	<b>4.897.761.477</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.043.857.851</b>	<b>(4.076.908.325)</b>	<b>9.661.196.039</b>	<b>(4.076.908.325)</b>
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>				
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
<i>Phải thu khác là các tổ chức, các nhân khác</i>				
- Ký cược, ký quỹ	120.243.988	-	122.043.444	-
- Tạm ứng	2.459.359.185	(1.286.491.185)	2.409.131.685	(1.286.491.185)
- Các khoản bảo hiểm nộp thừa	10.584.355	-	49.022.837	-
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	-	-	2.288.223.200	-
- Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	115.769.425	-	1.031.649.425	-
- Phải thu khác	5.327.475.898	(2.790.417.140)	3.750.700.448	(2.790.417.140)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>514.000.000</b>	<b>-</b>	<b>562.673.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ dài hạn	514.000.000	-	562.673.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.557.857.851</b>	<b>(4.076.908.325)</b>	<b>10.223.869.039</b>	<b>(4.076.908.325)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	13.544.356.207	13.578.656.207
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	1.198.815.407	1.182.225.899
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	4.076.908.325	4.059.197.833
<b>Cộng</b>	<b><u>18.820.079.939</u></b>	<b><u>18.820.079.939</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>18.820.079.939</b>	<b>17.315.394.177</b>
Trích dự phòng trong kỳ	-	1.530.172.871
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(12.600.000)
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b><u>18.820.079.939</u></b>	<b><u>18.832.967.048</u></b>

**10. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>13.578.245.707</b>	<b>33.889.500</b>	<b>13.612.545.707</b>	<b>33.889.500</b>
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	-	107.732.930	-
<i>Các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	3.878.297.384	-	3.878.297.384	-
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	-	2.466.577.510	-
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	1.825.472.115	-	1.825.472.115	-
Công ty TNHH Thiện Trân	1.438.306.242	-	1.438.306.242	-
Khách hàng khác	3.861.859.526	33.889.500	3.896.159.526	33.889.500
<b>Phải thu khác</b>	<b>4.076.908.325</b>	<b>-</b>	<b>4.059.197.833</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.198.815.407</b>	<b>-</b>	<b>1.182.225.899</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>18.853.969.439</u></b>	<b><u>33.889.500</u></b>	<b><u>18.853.969.439</u></b>	<b><u>33.889.500</u></b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	563.286.026	-	487.585.818	-
Công cụ, dụng cụ	115.232.872	-	126.903.762	-
Hàng hóa	702.415.926	-	698.330.714	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.380.934.824</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.312.820.294</u></b>	<b><u>-</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>972.877.916</b>	<b>673.418.114</b>
Chi phí Công cụ, dụng cụ	554.308.048	223.609.878
Các khoản khác	418.569.868	449.808.236
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.447.766.537</b>	<b>10.768.746.772</b>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất	3.115.508.661	3.394.509.435
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	3.957.359.908	3.962.033.655
Chi phí Công cụ, dụng cụ	2.971.568.113	2.783.867.924
Chi phí khác	403.329.855	628.335.758
	<b>11.420.644.453</b>	<b>11.442.164.886</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.870.865.911	-	-	2.870.865.911
Thuế thu nhập cá nhân	7.718.743	65.053.601	87.698.987	30.364.129
<b>Cộng</b>	<b>2.878.584.654</b>	<b>65.053.601</b>	<b>87.698.987</b>	<b>2.901.230.040</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	730.965.944	8.888.639.309	8.297.619.674	1.321.985.579
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.214.311	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.227.521.745	137.726.146	3.285.708.846	79.539.045
Thuế thu nhập cá nhân	23.935.991	68.581.575	85.784.416	6.733.150
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	20.865.442.540	6.829.284.388	9.592.339.232	18.102.387.696
Các loại thuế khác	-	221.027.177	11.000.000	210.027.177
<b>Cộng</b>	<b>24.851.080.531</b>	<b>16.145.258.595</b>	<b>21.272.452.168</b>	<b>19.723.886.958</b>

Ghi chú:

(i) Đối với tiền thuê đất Khu vực Bãi tắm Thùy Vân:

- Theo Kết luận 261/KL-TTr ngày 18/09/2018; Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 173/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước; Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong có nghĩa vụ kê khai, nộp ngân sách nhà nước liên quan đến số tiền thuê đất đối với lô đất thuê tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân có tổng diện tích là 87.077 m2 cho thời gian thuê từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 31/12/2017 lần lượt là 107.498.702.141 VND và 33.055.916.899 VND; số tiền Công ty mẹ và Công ty con chưa hạch toán chi phí là 91.099.278.151 VND và 28.397.591.059 VND. Công ty mẹ và Công ty con đã gửi các kiến nghị đến Cơ quan chức năng có liên quan của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về vấn đề này; tuy nhiên, Công ty mẹ và Công ty con chưa nhận được các phản hồi, theo đó chưa ghi nhận bổ sung số tiền này trên Báo cáo tài chính.
- Căn cứ theo các thông báo của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về tạm nộp tiền thuê đất cho kỳ 6 tháng đầu năm 2018, số tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2018 của lô đất thuê khu vực Bãi tắm Thùy Vân tính cho Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong lần lượt là 7.507.530.623 VND và 4.526.554.266 VND, số tiền Công ty mẹ và Công ty con đã hạch toán lần lượt là 1.314.770.390 VND và 1.372.817.880 VND, chênh lệch thiếu chưa ghi nhận của Công ty mẹ là 6.192.760.233 VND và Công ty con là 3.153.736.386 VND.
- Nghĩa vụ khác với ngân sách Nhà nước: Theo Quyết định về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách nhà nước số 182/QĐ-TTr và số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh, Công ty mẹ và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong phải nộp (nhưng chưa hạch toán chi phí và nghĩa vụ phải trả ngân sách Nhà nước) tiền thuê hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với cơ sở hạ tầng do ngân sách tỉnh đã đầu tư từ khi sử dụng cho đến nay với số tiền lần lượt là 3.658.061.609 VND và 3.582.625.227 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	173.077.771.865	8.072.530.765	8.104.063.544	518.148.374	6.925.943.146	196.698.457.694
- Mua trong kỳ	1.704.321.818	977.272.727	-	-	545.450.000	3.227.044.545
Số dư cuối kỳ	174.782.093.683	9.049.803.492	8.104.063.544	518.148.374	7.471.393.146	199.925.502.239
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	68.764.861.009	5.238.449.767	7.020.825.784	710.308.817	4.021.452.325	85.755.897.702
- Khấu hao trong kỳ	4.369.823.867	288.018.690	422.862.072	9.311.053	315.620.884	5.405.636.566
Số dư cuối kỳ	73.134.684.876	5.526.468.457	7.443.687.856	719.619.870	4.337.073.209	91.161.534.268
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	104.312.910.856	2.834.080.998	1.083.237.760	(192.160.443)	2.904.490.821	110.942.559.992
Số dư cuối kỳ	101.647.408.807	3.523.335.035	660.375.688	(201.471.496)	3.134.319.937	108.763.967.971

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2018 với giá trị là 11.571.232.705 VND (tại ngày 31/12/2017 là 7.011.190.352 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	581.801.000	581.801.000
Số dư cuối kỳ	581.801.000	581.801.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	581.801.000	581.801.000
Số dư cuối kỳ	581.801.000	581.801.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty liên kết	9.360.832.918	-	6.707.832.918	-
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biên Đông	9.360.832.918	-	6.707.832.918	-
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm (i)	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	63.852.176.741	(7.588.483.878)	63.852.176.741	(7.588.483.878)
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	28.602.790.000	-
Công ty CP Lạc Việt	13.000.000.000	(3.635.293.878)	13.000.000.000	(3.635.293.878)
Công ty CP Thương Mại Du Lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	9.390.560.000	-
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	3.468.701.654	-
Công ty TNHH Nam Biên Đông	3.326.935.087	-	3.326.935.087	-
Công ty CP Du lịch Minh Đạm (v)	2.784.000.000	(2.784.000.000)	2.784.000.000	(2.784.000.000)
Công ty CP Dịch vụ thể thao Thị trấn Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	1.169.190.000	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	800.000.000	-
Công ty CP Du lịch An Hoa	500.000.000	-	500.000.000	-
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>73.213.009.659</b>	<b>(7.588.483.878)</b>	<b>70.560.009.659</b>	<b>(7.588.483.878)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(i) Khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm được ghi nhận theo giá gốc khoản đầu tư là 1.190.000.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty liên kết đã bị Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thu hồi diện tích đất thực hiện dự án đầu tư khu du lịch Minh Đạm. Công ty đang đánh giá không thu hồi lại giá trị khoản đầu tư đã đầu tư vào Công ty trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

*Thông tin chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2018 như sau:*

- (i) Khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm được ghi nhận theo giá gốc khoản đầu tư là 1.190.000.000 VND và được điều chỉnh thay đổi giá trị là 1.190.000.000 VND do hiện tại Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 về việc thu hồi 152.619,5 m<sup>2</sup> đất cho Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện dự án đầu tư Khu Du lịch Minh Đạm tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Công ty có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 30/06/2018:*

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư	Góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết	Vốn đã góp đến 30/06/2018	Vốn chưa góp đến 30/06/2018
Công ty CP giải trí thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	9.360.832.918	3.639.167.082
Công ty CP Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty CP Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
Công ty CP Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.158.800.000	2.841.200.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác</i>				
Cửa hàng Thanh Dương	230.116.000	230.116.000	243.989.000	243.989.000
Phải trả cho các đối tượng khác	4.449.905.708	4.449.905.708	3.135.128.525	3.135.128.525
<b>Cộng</b>	<b>4.680.021.708</b>	<b>4.680.021.708</b>	<b>3.379.117.525</b>	<b>3.379.117.525</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>21.627.581.404</b>	<b>22.512.808.521</b>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>36.837.827</i>	<i>36.837.827</i>
Công ty CP Đầu tư Khách sạn Biển Đông- tiền thuê đất 2007	21.642.100	21.642.100
Công ty CP Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<i>Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>21.590.743.577</i>	<i>22.475.970.694</i>
- Kinh phí công đoàn, Các khoản bảo hiểm NLD	161.657.747	122.968.130
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.332.391.800	10.332.391.800
- Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	7.399.152.000	7.399.152.000
- Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	-	540.000.000
- Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Thu hồi khoản chi không đúng quy định	-	483.272.420
- Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tiền thuế phạt, truy thu	1.654.411.304	1.654.411.304
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	826.848.850	715.344.850
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.216.281.876	1.228.430.190
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.639.806.151</b>	<b>3.916.034.568</b>
- Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu- Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	3.639.556.351	3.915.784.768
<b>Cộng</b>	<b>25.267.387.555</b>	<b>26.428.843.089</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.707.813.026</b>	<b>1.707.813.026</b>	<b>76.937.300</b>	<b>845.605.026</b>	<b>939.145.300</b>	<b>939.145.300</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	-	-	-	-
Quỹ Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	164.000.000	164.000.000	76.937.300	82.000.000	158.937.300	158.937.300
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bà Rịa- Vũng Tàu (ii)	1.543.813.026	1.543.813.026	-	763.605.026	780.208.000	780.208.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>14.129.279.913</b>	<b>14.129.279.913</b>	<b>-</b>	<b>76.937.300</b>	<b>14.052.342.613</b>	<b>14.052.342.613</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (iii)	14.052.342.613	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Quỹ Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	76.937.300	76.937.300	-	76.937.300	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.837.092.939</b>	<b>15.837.092.939</b>	<b>76.937.300</b>	<b>922.542.326</b>	<b>14.991.487.913</b>	<b>14.991.487.913</b>

(i) Khoản vay trung và dài hạn Quỹ Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV ngày 12 tháng 06 năm 2014. Mục đích sử dụng tiền vay là xây dựng hệ thống xử lý nước sinh hoạt. Thời hạn vay 54 tháng. Lãi suất 4,8%/năm, lãi trả định kỳ 03 tháng/lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi, Ngân hàng TMCP Công thương bảo lãnh cho khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh số 880361400449 ngày 08/8/2014.

(ii) Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng số 880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013 và các phụ lục hợp đồng ngày 04/06/201 với mục đích tài trợ chi phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy-Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thăng Tam, TP. Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải; thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy - Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thăng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL.599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22/12/2008).

(iii) Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoanh nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	186.445.000.000	11.238.309.719	(31.942.545.250)	8.918.816.162	174.659.580.631
Lỗi trong năm	-	-	(6.683.329.080)	854.577.233	(5.828.751.847)
Điều chỉnh khác	-	-	(62.832.704)	62.832.704	-
Chia cổ tức	-	-	-	(589.491.266)	(589.491.266)
<b>Số đầu năm</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>11.238.309.719</b>	<b>(38.688.707.034)</b>	<b>9.246.734.833</b>	<b>168.241.337.518</b>
Lãi trong kỳ	-	-	4.600.770.380	351.161.837	4.951.932.217
Chia cổ tức	-	-	-	(199.739.922)	(199.739.922)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>11.238.309.719</b>	<b>(34.087.936.654)</b>	<b>9.398.156.748</b>	<b>172.993.529.813</b>

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88%	10.978.400	109.784.000.000	58,88%
Cổ đông khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12%	7.666.100	76.661.000.000	41,12%
<b>Total</b>	<b>18.644.500</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.644.500</b>	<b>186.445.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí
- Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch

Chỉ tiêu	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng	Kinh doanh lữ hành	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.208.695.024	2.412.440.869	69.621.135.893
Doanh thu hoạt động tài chính	256.374.369	5.216.589	261.590.958
Thu nhập khác	3.894.518.720	9.900.000	3.904.418.720
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.359.588.113</b>	<b>2.427.557.458</b>	<b>73.787.145.571</b>
Giá vốn hàng bán	28.621.645.062	2.452.543.602	31.074.188.664
Chi phí tài chính	67.795.156	-	67.795.156
Chi phí bán hàng	15.085.452.338	-	15.085.452.338
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.693.260.536	693.147.240	22.386.407.776
Chi phí khác	74.745.974	8.897.300	83.643.274
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.542.899.066</b>	<b>3.154.588.142</b>	<b>68.697.487.208</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.816.689.047</b>	<b>(727.030.684)</b>	<b>5.089.658.363</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Đô la Mỹ	5,406,29	377,35

**23. DOANH THU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	67.208.695.024	70.876.049.971
Doanh thu dịch vụ lữ hành	2.412.440.869	14.325.994.932
<b>Cộng</b>	<b>69.621.135.893</b>	<b>85.202.044.903</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn - nhà hàng, khách sạn	28.625.705.226	25.765.724.631
Giá vốn - Lữ hành	2.448.483.438	13.490.395.230
<b>Cộng</b>	<b>31.074.188.664</b>	<b>39.256.119.861</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.413.785.440	14.497.813.454
Chi phí nhân công	20.552.297.344	24.802.762.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.405.636.566	5.378.258.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.088.604.924	16.549.956.586
Chi phí khác bằng tiền	5.087.894.435	18.511.126.622
<b>Cộng</b>	<b>64.460.324.274</b>	<b>61.228.791.115</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	260.099.005	198.316.778
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	-	715.072.500
Lãi chênh lệch tỉ giá	1.491.953	123.548.030
<b>Cộng</b>	<b>261.590.958</b>	<b>1.036.937.308</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	67.795.156	638.910.487
<b>Cộng</b>	<b>67.795.156</b>	<b>638.910.487</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	8.306.229.242	8.592.079.566
Chi phí khấu hao	1.367.248.055	-
Chi phí khác	5.411.975.041	8.486.366.658
<b>Cộng</b>	<b>15.085.452.338</b>	<b>17.078.446.224</b>
<b>b) Chi phí quản lý phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.328.189.740	10.532.971.176
Chi phí thuê đất	6.956.240.195	5.774.155.044
Chi phí quản lý khác	6.101.977.841	9.164.653.042
<b>Cộng</b>	<b>22.386.407.776</b>	<b>25.471.779.262</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thu cho thuê mặt bằng	3.888.155.083	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	183.165.910
Thu nhập khác	16.263.637	374.405.900
<b>Cộng</b>	<b>3.904.418.720</b>	<b>557.571.810</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Phạt thuế, truy thu thuế	-	4.542.722.113
Chi phí khác	83.643.274	419.642.673
	<b>83.643.274</b>	<b>4.962.364.786</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Từ ngày 01/01/2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	4.600.770.380	(1.343.132.425)
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích lập	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.600.770.380</b>	<b>(1.343.132.425)</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.644.500	18.644.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>247</b>	<b>(72)</b>
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	14.991.487.913	15.837.092.939
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(22.131.193.111)	(21.075.040.361)
<b>Nợ thuần</b>	<b>(7.139.705.198)</b>	<b>(5.237.947.422)</b>
Vốn chủ sở hữu	172.993.529.813	168.241.337.518
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.131.193.111	21.075.040.361	22.131.193.111	21.075.040.361
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.460.814.290	11.250.941.829	7.460.814.290	11.250.941.829
Phải thu về cho vay	4.943.953.236	4.897.761.477	4.943.953.236	4.897.761.477
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.989.657.900</b>	<b>106.677.440.930</b>	<b>103.989.657.900</b>	<b>106.677.440.930</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	14.991.487.913	15.837.092.939	14.991.487.913	15.837.092.939
Phải trả người bán và phải trả khác	29.785.751.516	29.684.992.484	29.785.751.516	29.684.992.484
Chi phí phải trả	450.385.036	330.601.489	450.385.036	330.601.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.227.624.465</b>	<b>45.852.686.912</b>	<b>45.227.624.465</b>	<b>45.852.686.912</b>

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo chính sách tại Thuyết minh số 03.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.131.193.111	-	-	22.131.193.111
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.946.814.290	514.000.000	-	7.460.814.290
Phải thu về cho vay	4.943.953.236	-	-	4.943.953.236
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.211.965.037</b>	<b>514.000.000</b>	<b>56.263.692.863</b>	<b>103.989.657.900</b>
Các khoản vay	939.145.300	14.052.342.613	-	14.991.487.913
Phải trả người bán và phải trả khác	26.145.945.365	3.639.806.151	-	29.785.751.516
Chi phí phải trả	450.385.036	-	-	450.385.036
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.535.475.701</b>	<b>17.692.148.764</b>	<b>-</b>	<b>45.227.624.465</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>19.676.489.336</b>	<b>(17.178.148.764)</b>	<b>56.263.692.863</b>	<b>58.762.033.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.075.040.361	-	-	21.075.040.361
Chứng khoán kinh doanh	10.090.004.400	-	-	10.090.004.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.688.268.829	562.673.000	-	11.250.941.829
Phải thu về cho vay	4.897.761.477	-	-	4.897.761.477
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	56.263.692.863	56.263.692.863
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	-	-	3.100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.851.075.067</b>	<b>562.673.000</b>	<b>56.263.692.863</b>	<b>106.677.440.930</b>
Các khoản vay	1.707.813.026	14.129.279.913	-	15.837.092.939
Phải trả người bán và phải trả khác	25.768.957.916	3.916.034.568	-	29.684.992.484
Chi phí phải trả	330.601.489	-	-	330.601.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.807.372.431</b>	<b>18.045.314.481</b>	<b>-</b>	<b>45.852.686.912</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>22.043.702.636</b>	<b>(17.482.641.481)</b>	<b>56.263.692.863</b>	<b>60.824.754.018</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các giao dịch và số dư với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 18,19; Công ty còn có các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

*Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc*

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Tổng Giám đốc	515.288.826	530.498.998

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**35. THÔNG TIN KHÁC**

Theo các Quyết định, kết luận và thông báo của Chi cục thuế Tp. Vũng Tàu, của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thi Công ty và Công ty con phải hạch toán thêm chi phí và nghĩa vụ phải trả ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu với tổng giá trị 126.737.556.046 VND, cụ thể:

<b>Các văn bản về tiền thuê đất</b>	<b>Từ khi sử dụng cho đến nay</b>	<b>Từ năm 2013 đến 2017</b>	<b>Từ năm 2006 đến năm 2017</b>	<b>Tổng cộng</b>
<i>Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 177/QĐ-TTr và số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (**)</i>	7.240.686.836	-	-	7.240.686.836
<i>Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 172/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*) - Công ty mẹ</i>	-	-	107.498.702.141	107.498.702.141
<i>Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018 và Quyết định số 173/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (*) - Công ty con</i>	-	33.055.916.899	-	33.055.916.899
<i>5764/TB-CCT ngày 13/06/2017 (Nợ góc)</i>	-	-	115.638.237.546	115.638.237.546
<b>Cộng</b>	<b>7.240.686.836</b>	<b>33.055.916.899</b>	<b>107.498.702.141</b>	<b>147.795.305.876</b>
<i>Số đã hạch toán chi phí tiền thuê đất</i>	-	<b>4.658.325.840</b>	<b>16.399.423.990</b>	<b>21.057.749.830</b>
<i>Số đã hạch toán chi phí tiền thuê cơ sở hạ tầng</i>	-	-	-	-
<b>Số còn nợ và chưa hạch toán (*)</b>	<b>7.240.686.836</b>	<b>28.397.591.059</b>	<b>91.099.278.151</b>	<b>126.737.556.046</b>

(\*) Đến thời điểm hiện nay, tiền thuê đất truy thu bổ sung được xác định theo kết luận và quyết định của Thanh tra vào ngày 05/10/2018. Tiền thuê đất được tính cho tổng diện tích đất mà Công ty và Công ty con đang quản lý sử dụng 87.077 m<sup>2</sup> tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân trừ đi diện tích bãi cát bờ biển là 35.468,9 m<sup>2</sup> (Cụ thể : Công ty là 54.171,1m<sup>2</sup> trừ diện tích bãi cát là 14.219,3m<sup>2</sup> và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong là 32.835,9m<sup>2</sup> trừ diện tích bãi cát là 21.249,6m<sup>2</sup>).

(\*\*) Tiền thuê hạ tầng cho ngân sách nhà nước đối với hạng mục san nền, kê đá, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác do ngân sách tỉnh đã đầu tư được Thanh tra tính truy thu từ khi Công ty, Công ty con sử dụng cho đến nay.

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty và Công ty con vẫn chưa được Cơ quan chức năng có thẩm quyền của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký hợp đồng cho thuê hạ tầng và hợp đồng cho thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Tp. Vũng Tàu; và theo Thông báo ngày 02/05/2013, kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Cuộc họp hỗ trợ các dự án ngoài khu công nghiệp ngày 03/04/2013 có nêu "Đồng ý việc tính tiền thuê đất trong giá thuê hạ tầng đối với phần diện tích đất phục vụ kinh doanh, Phần diện tích không phục vụ kinh doanh không tính tiền thuê đất trong giá thuê hạ tầng", Công ty và các doanh nghiệp trên địa bàn có sử dụng đất tại khu vực bãi tắm Thùy Vân đang tiếp tục kiến nghị Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về đơn giá, và cách tính tiền thuê đất cho từng khu vực này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**35. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Công ty đã gửi Công văn kiến nghị số 95/CV-CPDL ngày 05/11/2018; và Công ty con đã gửi Công văn kiến nghị số 12/CV-DLNP ngày 05/11/2018 đến Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xin được xem xét lại việc truy thu tiền đất, tiền thuế cơ sở hạ tầng và xem xét đề Công ty và Công ty con được ký kết hợp đồng thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân để có điều kiện thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Luật Đất đai, được tính tiền thuê đất trên phần diện tích sử dụng cho mục đích kinh doanh và tính toán lại tiền thuê đất với mức thu hợp lý để doanh nghiệp có thể thực hiện được. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty và Công ty con chưa nhận được các văn bản, kết luận về việc giải quyết kiến nghị này.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đã được kiểm toán/soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 đã được trình bày lại. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau	
				điều chỉnh lại	Ghi chú
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	7.897.832.918	(1.190.000.000)	6.707.832.918	(1)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	311	(13.639.967.469)	1.190.000.000	(12.449.967.469)	(1)

(1) Điều chỉnh giảm khoản đầu tư vào Công ty liên kết căn theo phương pháp Vốn chủ, điều chỉnh lại giá gốc và dự phòng vào công ty liên kết.



Nguyễn Hồng An  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Kế toán trưởng

